

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 2981 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 06 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040;

Căn cứ Công văn số 4428/BXD-QHKT ngày 05/8/2024 của Bộ Xây dựng về việc Kế hoạch thực hiện đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040;




Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam tại Tờ trình số 18/TTr-KKT ngày 05/4/2024, Công văn số 1499/KKT-QHXD ngày 06/9/2024, Công văn số 1611/KKT-QHXD ngày 23/9/2024 và Công văn số 1785/KKT-QHXD ngày 22/10/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 15/02/2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, Hoàng Mai, các huyện Hưng Nguyên, Nghi Lộc, Diễn Châu; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *HN*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Nghệ An, Đài PT&TH Nghệ An;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng CN, NN, KT, TH;
- Lưu: VT, CN(N.A.Tuấn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An
Bùi Thanh An

KẾ HOẠCH

Thực hiện Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040

(Kèm theo Quyết định số 2981./QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2024
của UBND tỉnh Nghệ An)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa nội dung đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 15/02/2023; phù hợp với điều kiện thực tiễn và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An (KKT Đông Nam).

- Xác định danh mục, trình tự triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng; danh mục và thứ tự đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật gắn liền với bố trí nguồn vốn để tổ chức thực hiện đảm bảo khả thi, kịp thời theo đúng tiến độ và trình tự ưu tiên.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện quy hoạch phải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển. Làm cơ sở lựa chọn đầu tư có trọng tâm, không dàn trải, tập trung cho các dự án trọng điểm, hạ tầng khung, tạo động lực phát triển cho KKT Đông Nam và tỉnh Nghệ An.

- Dự kiến nhu cầu nguồn vốn cho từng giai đoạn đảm bảo triển khai thực hiện kế hoạch.

- Đề xuất các cơ chế chính sách, xác định nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch.

- Xác định rõ nội dung, phân công trách nhiệm cụ thể, đúng chức năng, lĩnh vực được giao quản lý, đảm bảo sự phối hợp hiệu quả, đúng tiến độ giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An: là khu kinh tế trọng điểm, đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp cơ bản gắn liền với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả Cảng biển Cửa Lò, Cảng biển Đông Hội; là trung

tâm kinh tế giao thương quốc tế của vùng Bắc Trung Bộ, cửa ngõ quan trọng của vùng Trung, Thượng Lào, Đông Bắc Thái Lan vào miền Trung và Việt Nam; là cực tăng trưởng đối trọng, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của thành phố Vinh, thị xã Hoàng Mai, thị xã Cửa Lò và vùng phụ cận; là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và an ninh quốc phòng.

2. Xây dựng và phát triển KKT Đông Nam (hiện tại và mở rộng) thành khu vực động lực tăng trưởng, đột phá phát triển theo Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Danh mục, trình tự triển khai lập các đồ án quy hoạch xây dựng:

Căn cứ đồ án Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tình hình thực tế triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy mô, tiến độ và trình tự (thứ tự ưu tiên) lập các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng được tổng hợp tại Phụ lục 01 kèm theo.

2. Danh mục dự kiến các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên cơ sở các giai đoạn quy hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm:

(Chi tiết được tổng hợp tại Phụ lục 02 và Phụ lục 03 kèm theo)

3. Dự kiến nhu cầu vốn cho công tác thực hiện kế hoạch:

3.1. Dự kiến nhu cầu nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch xây dựng giai đoạn 2023-2028 khoảng **60,326** tỷ đồng. Cụ thể như bảng sau:

DVT: Tỷ đồng

TT	Loại nguồn vốn	Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2026-2028	Tổng	Ghi chú
1	Nguồn vốn ngân sách Nhà nước	10,957	14,637	25,594	Ngân sách tỉnh
2	Nguồn vốn của Chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng	2,521	0,0	2,521	Chủ đầu tư dự án kinh doanh hạ tầng khu chức năng lập quy hoạch theo quy định
3	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	32,211	0,0	32,211	Được tiếp nhận và sử dụng đúng theo các quy định hiện hành
	Tổng cộng	45,689	14,637	60,326	

(Chi tiết được tổng hợp tại Phụ lục 01 kèm theo)

3.2. Nhu cầu vốn xây dựng các dự án đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khung trong khu kinh tế khoảng **96.426,638** tỷ đồng. Cụ thể nhu cầu về nguồn vốn theo từng giai đoạn được tổng hợp theo bảng sau:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Loại nguồn vốn	Giai đoạn 2024-2025		Giai đoạn 2026-2030		Giai đoạn sau 2030		Tổng	
		TSTW	NSDP	TSTW	NSDP	TSTW	NSDP	TSTW	NSDP
1	Nguồn vốn đầu tư công	134,910	708,024	5.780,0	2.405,0	7.521,0	0,0	13.435,91	3.113,024
		842,934		8.185,0		7.521,0		16.548,934	
2	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công	1.204,892		1.014,892		0,0		2.219,784	
3	Nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công	12.659,354		52.609,420		12.389,146		77.657,920	
Tổng cộng		14.707,18		61.809,312		19.910,146		96.426,638	

(Chi tiết được tổng hợp tại Phụ lục 02, Phụ lục 03 kèm theo)

4. Một số giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện theo kế hoạch:

- Tiếp tục đề xuất, khai thác tối đa, hiệu quả vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho KKT Đông Nam hàng năm để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu trong KKT Đông Nam mở rộng.

- Chủ động làm việc với các bộ, ngành Trung ương liên quan để bổ sung nguồn lực thực hiện những định hướng lớn như Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An, các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù tỉnh Nghệ An.

- Tạo nhiều nguồn thu bền vững để cân đối ngân sách địa phương tập trung đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật trong KKT Đông Nam.

- Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA; đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) để xây dựng các công trình hạ tầng trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KKT Đông Nam, tạo điều kiện thuận lợi thu hút nhà đầu tư thực hiện các dự án có khả thi và hiệu quả.

- Đẩy mạnh thu hút, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước tập trung vốn cho đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh, nhất là thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng, trước tiên là hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

5. Các mô hình quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch:

- Nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, gắn với thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành và các quy hoạch có liên quan.

- Xây dựng quy định quản lý quy hoạch theo quy hoạch được duyệt cho từng khu vực trong Khu kinh tế theo tính chất như: Khu công nghiệp, khu đô thị, khu dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, khu vực mới phát triển, khu dân cư hiện hữu, khu vực bảo tồn, khu vực khác của khu kinh tế và các khu vực có yêu cầu quy chế quản lý riêng. Phân rõ trách nhiệm các sở ban ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Nâng cao vai trò của cộng đồng trong công tác lập, quản lý, giám sát thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng.

- Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS), tăng cường số hóa trong công tác quản lý quy hoạch để thuận tiện trong khai thác thông tin và giải quyết các thủ tục hành chính.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam:

- Là cơ quan thường trực, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền.

- Chủ trì triển khai và thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về quy hoạch xây dựng trong KKT Đông Nam. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, triển khai và lập các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng theo danh mục được ban hành kèm theo kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đẩy mạnh công tác kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật trong KKT Đông Nam. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan tham mưu hoàn chỉnh cơ chế chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Đề xuất cơ chế để vận động, thu hút và thực hiện có hiệu quả các hình thức đầu tư PPP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn để tham mưu bố trí vốn cho các dự án thuộc Kế hoạch này và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam và các sở, ngành liên quan tăng cường kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng thiết yếu trong KKT Đông Nam có hiệu quả.

- Quan tâm phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện các dự án theo Kế hoạch.

3. Sở Tài chính:

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ngoài nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho các dự án thuộc Kế hoạch.

4. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam tham mưu UBND tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, trong đó có nhà ở công nhân trong KKT Đông Nam và các khu công nghiệp.

- Tăng cường phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo Quy định phân công, phân cấp về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh, Quy chế quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại KKT Đông Nam và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giao thông Vận tải:

- Rà soát, tham mưu lồng ghép quy hoạch phát triển giao thông của tỉnh, các dự án giao thông kết nối các vùng kinh tế trọng điểm với kế hoạch thực hiện Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam tham mưu UBND tỉnh trình các Bộ ngành liên quan về bổ sung các điểm đầu nối với các tuyến quốc lộ trên cơ sở hồ sơ bổ sung điểm đầu nối vào quốc lộ do Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam lập, đề xuất để đảm bảo phát huy hiệu quả, khả thi của các đề án quy hoạch phân khu chức năng trong KKT Đông Nam được triển khai thực hiện theo Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phương án Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan xem xét phê duyệt, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống cảng biển trong KKT Đông Nam.

6. Sở Công Thương:

- Chủ trì, rà soát xây dựng kế hoạch, chương trình công tác của Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 23/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tăng cường theo dõi, nắm bắt tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng hệ thống điện, cung cấp kịp thời, ổn định, đáp ứng đủ công suất để phục vụ nhu cầu phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư theo quy định để thúc đẩy nhanh quy trình thu hồi đất, bàn giao đất cho nhà đầu tư triển khai dự án.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đảm bảo phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng các khu chức năng trong KKT Đông Nam, nhằm đẩy nhanh tiến độ giao đất, cho thuê đất phục vụ đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu.

8. Các sở, ngành khác có liên quan:

- Theo chức năng nhiệm vụ quản lý chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, lồng ghép với Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040.

- Quan tâm thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại KKT Đông Nam và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam trong việc quản lý các quy hoạch đã được phê duyệt, công bố, công khai, cắm mốc và bàn giao theo quy định.

- Chủ trì lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để có cơ sở triển khai, thu hút các dự án đầu tư.

- Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan thực hiện lồng ghép các quy hoạch của địa phương với Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An đến năm 2040 để phát huy hiệu quả.

- Đẩy nhanh công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, hỗ trợ ổn định đời sống của nhân dân bị thu hồi đất trong KKT Đông Nam

và các khu công nghiệp. Tuyên truyền, giải thích cho người dân hiểu đúng, đầy đủ quy định, chính sách của nhà nước về bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo Quy định phân công, phân cấp về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh, Quy chế quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

10. Các Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng:

- Thực hiện đúng quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng trong KKT Đông Nam đã được phê duyệt.

- Triển khai kế hoạch đầu tư hạ tầng gắn với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Kế hoạch.

- Huy động đầy đủ nguồn vốn và thực hiện dự án đúng tiến độ, tích cực kêu gọi các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư sản xuất kinh doanh tạo việc làm cho người lao động và tăng thu ngân sách cho địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, các đơn vị có liên quan tiến hành xây dựng các kế hoạch cụ thể của đơn vị đảm bảo phù hợp tình hình thực tế và triển khai thực hiện nhằm đạt mục đích, yêu cầu của Kế hoạch.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

3. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam là cơ quan đầu mối, đôn đốc các cơ quan liên quan thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả triển khai thực hiện và các vấn đề phát sinh (nếu có) báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có các khó khăn, vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, địa phương kịp thời báo cáo về Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh theo quy định. /.

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2023÷2028

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~2981~~./QĐ-UBND ngày 06./11./2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên đồ án quy hoạch	Tỷ lệ	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện		Dự kiến chi phí lập QH (Tỷ đồng)	Nguồn vốn lập quy hoạch	Ghi chú
						Bắt đầu	Hoàn thành			
A	KHU VỰC 1									
I	Thuộc địa giới hành chính huyện Diễn Châu									
1	Các đồ án quy hoạch đã hoàn thành									
1.1	QH phân khu XD Quần thể văn hoá tâm linh Đền Cuông, huyện Diễn Châu	1/2.000	Xã Diễn An và Diễn Trung, huyện Diễn Châu	140,0	UBND huyện Diễn Châu	-	-	1,686	Nguồn vốn ngân sách	Đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 22/5/2019
1.2	QH phân khu XD Khu A - KCN Thọ Lộc, huyện Diễn Châu	1/2.000	Các xã Diễn Thọ, Diễn Lộc và Diễn Phú, huyện Diễn Châu	609,52	Công ty TNHH VSIP Nghệ An	2023	2023	3,413	Từ CĐT kinh doanh hạ tầng KCN	Đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 14/6/2023
1.3	QH phân khu XD Khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng và thể thao phía Nam đường N2 tại huyện Diễn Châu	1/2.000	Các xã Diễn Trung và Diễn An, huyện Diễn Châu	686,52	Ban QL KKT Đông Nam	2023	2024	4,073	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	Đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 18/3/2024
2	Các đồ án quy hoạch triển khai lập mới									
2.1	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực Đông Bắc	1/2.000	Các xã Diễn Trung, Diễn An và Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu	1.711,0	Ban QL KKT Đông Nam	2026	2027	7,253	Nguồn vốn ngân sách	
2.2	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu sân golf	1/2.000	Xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu	375,0	Ban QL KKT Đông	2023	2025	2,855	Ngân sách tỉnh (từ	UBND tỉnh đã cho phép KS, lập QH phân khu XD tại Công văn số

TT	Tên đồ án quy hoạch	Tỷ lệ	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện		Dự kiến chi phí lập QH (Tỷ đồng)	Nguồn vốn lập quy hoạch	Ghi chú
						Bắt đầu	Hoàn thành			
	và du lịch sinh thái Hồ Xuân Dương, tại xã Diên Phú, huyện Diên Châu				Nam				nguồn huy động, đóng góp)	1517/UBND-CN ngày 08/3/2023; phê duyệt DT kinh phí KS, lập QH tại Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 07/6/2023
2.3	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu hỗn hợp dịch vụ, đô thị và nhà ở công nhân Lộc Phú Thọ	1/2.000	Các xã Diên Lộc, Diên Phú, Diên Thọ, huyện Diên Châu	310,0	Ban QL KKT Đông Nam	2026	2027	2,561	Nguồn vốn ngân sách	
2.4	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu B - Khu công nghiệp Thọ Lộc tại xã Diên Phú và xã Diên Lộc, huyện Diên Châu	1/2.000	Các xã: Diên Phú, Diên Lộc, huyện Diên Châu	180,0	Ban QL KKT Đông Nam	2023	2025	2,086	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	UBND tỉnh đã cho phép KS, lập QHXD tại Công văn số 2636/UBND-CN ngày 11/4/2023; Phê duyệt DT kinh phí KS, lập QH tại Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 02/6/2023
II	Thuộc địa giới hành chính huyện Nghi Lộc									
1	Các đồ án quy hoạch triển khai lập mới									
1.1	Quy hoạch phân xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ tổng hợp Tây Nam	1/2.000	Các xã: Nghi Đông, Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	100,0	Ban QL KKT Đông Nam	2023	2025	1,362	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	UBND tỉnh đã cho phép KS, lập QH phân khu XD tại Công văn số 7804/UBND-CN ngày 15/10/2021; Phê duyệt dự toán kinh phí KS, lập QH tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
1.2	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp, đô thị và hậu cần Cảng nước sâu Cửa Lò	1/2.000	Các xã: Nghi Yên, Nghi Tiến, Nghi Thiết, Nghi Quang, Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	2.742,0	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	11,383	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	Công văn số 3027/UBND-CN ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh

TT	Tên đồ án quy hoạch	Tỷ lệ	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện		Dự kiến chi phí lập QH (Tỷ đồng)	Nguồn vốn lập quy hoạch	Ghi chú
						Bắt đầu	Hoàn thành			
1.3	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Yên Quang 1	1/2.000	Các xã: Nghi Yên, Nghi Quang, Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc	315,0 (KCN 213ha, HT ngoài KCN 115ha)	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	2,617	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	Công văn số 3027/UBND-CN ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh
1.4	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực phía Đông - Đông Nam thuộc Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	1/2.000	Các xã Nghi Yên, Nghi Tiến, Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc và xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu	1.185,0	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	6,022	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	Trong đó: Có QH phân khu XD Khu đô thị và du lịch Bãi Lữ 2 được UBND tỉnh cho phép KS, lập QH phân khu XD tại các Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 08/4/2019, số 1060/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 (khoảng 150,0ha) và QH phân khu XD Khu vực phía Đông - Đông Nam được UBND tỉnh cho phép KS, lập QH phân khu XD tại Công văn số 7371/UBND-CN ngày 26/9/2022 (khoảng 680ha).
1.5	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Nam Cẩm	1/2.000	Các xã Nghi Thuận, Nghi Long và Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	720,0	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	3,999	Nguồn vốn ngân sách	
1.6	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu A, B, C- Khu công nghiệp Nam Cẩm	1/2.000	Các xã: Nghi Long, Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	500,0	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	3,044	Nguồn vốn ngân sách	
1.7	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu D - KCN Nam Cẩm	1/2.000	Các xã: Nghi Đồng, Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc	750,0	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	3,355	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	UBND tỉnh đã cho phép KS, lập QH phân khu XD tại Công văn số 7683/UBND-CN ngày 13/9/2023; Phê duyệt DT kinh phí KS, lập

TT	Tên đồ án quy hoạch	Tỷ lệ	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện		Dự kiến chi phí lập QH (Tỷ đồng)	Nguồn vốn lập quy hoạch	Ghi chú
						Bắt đầu	Hoàn thành			
									góp)	QH tại Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 30/11/2023
1.8	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu hỗn hợp dịch vụ, đô thị và công viên sinh thái Sông Cẩm	1/2.000	Các xã: Nghi Thuận, Nghi Long, Nghi Hưng, Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	300,0	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	2,531	Ngân sách tỉnh (từ nguồn huy động, đóng góp)	
1.9	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu hỗn hợp du lịch, dịch vụ, nhà ở công nhân Đập Ô Ô	1/2.000	Xã Nghi Hưng, Nghi Đồng Huyện Nghi Lộc	260,0	Ban QL KKT Đông Nam	2026	2028	2,413	Nguồn vốn ngân sách	
1.10	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	1/2.000	Xã Nghi Yên Huyện Nghi Lộc	75,36	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	0,479	Nguồn vốn ngân sách	UBND tỉnh đã cho phép KS, lập QH phân khu XD tại Công văn số 8003/UBND-CN ngày 22/9/2023; Phê duyệt DT kinh phí KS, lập QH tại Quyết định số 4232/QĐ-UBND ngày 19/12/2023
1.11	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu hỗn hợp dịch vụ, ở làng xóm và hạ tầng kỹ thuật Lèn Dơi	1/2000	Xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc và xã Diễn An, huyện Diễn Châu	260,0	Ban QL KKT Đông Nam	2026	2027	2,410	Nguồn vốn ngân sách	
B	KHU VỰC 2 (Thuộc địa giới hành chính thị xã Hoàng Mai)									
1	Các đồ án quy hoạch đã hoàn thành									
1.1	QH phân khu XD Khu công nghiệp Hoàng Mai I	1/2.000	Xã Quỳnh Lộc và phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai	264,77	Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt	-	-	2,304	Từ CĐT kinh doanh hạ tầng KCN	UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 07/4/2021

TT	Tên đồ án quy hoạch	Tỷ lệ	Địa điểm	Quy mô (ha)	Đơn vị tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện		Dự kiến chi phí lập QH (Tỷ đồng)	Nguồn vốn lập quy hoạch	Ghi chú
						Bắt đầu	Hoàn thành			
2	Các đồ án quy hoạch triển khai lập mới									
2.1	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Hoàng Mai II	1/2.000	Xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai	335,23	Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt	2023	2024	2,521	Từ CĐT kinh doanh hạ tầng KCN	
2.2	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đông Hồi	1/2.000	Các xã: Quỳnh Lộc, Quỳnh Lập, thị xã Hoàng Mai	600,0	Ban QL KKT Đông Nam	2024	2025	3,435	Nguồn vốn ngân sách	UBND tỉnh đã cho phép KS, lập QH phân khu XD tại Công văn số 4859/UBND-CN ngày 12/6/2024; Phê duyệt DT kinh phí KS, lập QH tại Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 09/7/2024.
C	KHU VỰC 3 (thuộc địa giới hành chính thành phố Vinh và huyện Hưng Nguyên)									
1	Các đồ án quy hoạch đã hoàn thành									
1.1	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An	1/2.000	Xã Hưng Chính, thành phố Vinh và các xã: Hưng Đạo, Hưng Tây, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	750,0	Công ty TNHH VSIP Nghệ An	-	-	4,495	Từ CĐT kinh doanh hạ tầng KCN	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 và số 5682/QĐ-UBND ngày 23/11/2017

Ghi chú: Về quy mô, ranh giới, tiến độ thực hiện, nguồn vốn trong Phụ lục này là dự kiến, trong quá trình triển khai từng đồ án thực hiện theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 02

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG PHỤC VỤ XÂY DỰNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT THIẾT YẾU TRONG KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM NGHỆ AN, GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2040

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2981/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

DVT: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Quy mô đầu tư	Lũy kế vốn đã được bố trí hàng năm đến hết tháng 30/9/2024			Nhu cầu vốn còn thiếu so với TMDT được duyệt	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					NSTW	NSDP				
I	Danh mục các dự án hạ tầng kỹ thuật	22.303,911		3.516,048	2.622,297	893,751	18.768,718			
I.1	Các dự án chuyển tiếp	3.963,127		3.516,048	2.622,297	893,751	427,934			
	<i>Tại Khu vực I:</i>									
1	Đường ngang N2 - KKT Đông Nam	405,070	- Tuyến chính: Dài 5,56Km; nền đường rộng 56m (trong đó: Mặt đường rộng 2x15= 30m; giải phân cách giữa rộng 10m; hè đường rộng 2x8=16m); - Tuyến kết nối đến đường ven biển: Dài 1,378Km; nền đường rộng 56m (trong đó: Mặt đường rộng 2x7,5=15m; lề đất rộng 4x0,5=2m; giải phân cách giữa rộng 24m; hè đất dọc tuyến rộng 15m).	405,070	404,131	0,939	0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2010; - Hoàn thành: 2023	Đã hoàn thành; đang hoàn thiện thủ tục bàn giao đưa vào sử dụng
2	Đường ngang N5 - KKT Đông Nam	739,320	- Tuyến chính: Dài 5,585Km; nền đường rộng 56m (trong đó: Mặt đường rộng 2x15= 30m; giải phân cách giữa rộng 10m; hè đường rộng 2x8=16m). - Tuyến kết nối TL536 với đường ven biển: Dài 603,58m; nền đường rộng 56m (trong đó: Mặt đường rộng 2x7,5m = 15m; vỉa hè rộng 2x8m = 16m; giải phân cách rộng 24m).	709,411	701,713	7,698	29,909	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2010; - Hoàn thành: 2025	Lũy kế giá trị xây lắp đã thực hiện hoàn thành đạt khoảng 80% khối lượng
3	Đường ngang N5 (đoạn 2) - KKT Đông Nam	753,921	Dài 4,985Km; nền đường rộng 56m (trong đó: Mặt đường rộng 2x15= 30m; giải phân cách giữa rộng 10m; hè đường rộng 2x8=16m).	753,921	625,918	128,003	0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2011; - Hoàn thành: 2022	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
4	Đường D4 trong KKT Đông Nam	847,595	- Tuyến chính: Dài 7,066Km; nền đường rộng 56m (trong đó: Mặt đường rộng 2x15= 30m; giải phân cách giữa rộng 10m; hè đường rộng 2x8=16m); - Tuyến vào cảng DKC: Dài 1,0Km; nền đường rộng 12m (trong đó: Mặt đường rộng 2x2,5=11m; lề đất rộng 2x0,5=1m)	847,595	433,691	413,904	0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2011; - Hoàn thành: 2022	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Quy mô đầu tư	Lũy kế vốn đã được bố trí hàng năm đến hết tháng 30/9/2024		Nhu cầu vốn còn thiếu so với TMBT được duyệt	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó					
					NSTW					NSDP
5	Tuyến số 2 hệ thống giao thông Khu A - KCN Nam Cẩm	140,000	Tổng chiều dài 2,3Km. - Tuyến D4: dài 1,15Km; nền đường rộng 20,5m; mặt đường rộng 14m - Tuyến NB: dài 0,89Km; nền đường rộng 18m; mặt đường rộng 15m	71,000	71,000	69,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2016; - Đang điều chỉnh dự án; - Hoàn thành: 2026	- Tuyến D4: Đã hoàn hành đưa vào sử dụng; - Tuyến NB: Cơ bản hoàn thành cầu trên tuyến và 100m đầu tuyến	
6	Cầu vượt đường sắt tại đường N2 - KKT Đông Nam (giai đoạn 1)	150,000	- Cầu: Chiều dài L= 243,991m; bề rộng cầu B = 12,25m; nhịp vượt đường sắt rộng B = 14,75m. - Đường hai đầu cầu: Dài 554,739m; nền đường rộng 12,25m, mặt đường 11,25m.	137,000	137,000	2,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2022; - Hoàn thành: 2024	Lũy kế giá trị xây lắp đã thực hiện hoàn thành đạt khoảng 95% khối lượng	
7	Kênh thoát nước dọc đường N5- KKT Đông Nam	100,000	Chiều dài: 1,973Km;	82,000	82,000	18,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2022; - Hoàn thành: 2025	Lũy kế giá trị xây lắp đã thực hiện đạt khoảng 55% khối lượng	
8	Kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp WHA-2	109,000	Kênh đất dài khoảng 5,5Km; Công trình cầu cống trên tuyến	40,637	40,637	68,363	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2022; - Hoàn thành: 2025	Đã thông tuyến và cơ bản hoàn thành giai đoạn 1	
9	Hệ thống xử lý nước thải khu B - KCN Nam Cẩm (giai đoạn 1)	69,388	Công suất 2.500m3/ngđ	66,845	66,845	0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2012; - Hoàn thành: 2015	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	
10	Đường giao thông Khu B (giai đoạn 1) KCN Nam Cẩm	39,356	Dài 0,9Km; nền đường rộng 8m	33,754	33,754	0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2014; - Hoàn thành: 2015	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	
11	Đường vào phân khu CN30 thuộc khu D - KCN Nam Cẩm	100,000	Chiều dài khoảng: 1,1Km; Nền đường rộng: 38m	60,000	60,000	40,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2024-2026	Khởi công trong quý IV/2024	
12	Hệ thống thoát nước quanh KCN VSIP - Thọ Lộc	135,000	Chiều dài khoảng: 2,6Km; Chiều rộng đáy khoảng 15m	78,242	78,242	56,758	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2024-2026	Khởi công trong quý IV/2024	
13	Di dời hệ thống điện để GPMB thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Thọ Lộc (giai đoạn 1)	75,000	Di dời các công trình điện (đường dây 220kV, 35kV, 22kV, 10kV và trạm biến áp, v.v...)	0,000	0,000	75,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2024-2026	Đang bước thực hiện các thủ tục đầu tư; dự kiến khởi công trong quý III/2024	
Tại Khu vực II:										

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Quy mô đầu tư	Lũy kế vốn đã được bố trí hàng năm đến hết tháng 30/9/2024			Nhu cầu vốn còn thiếu so với TMBT được duyệt	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					NSTW	NSDP				
14	Đường cứu nạn và TĐC các khu dân cư ven biển Đông Hải	81,000	Dài 1,1Km; nền đường rộng 20m (trong đó: Mặt đường rộng 2x7= 14m)	64,999	49,999	15,000	16,001	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2016; - Hoàn thành: 2025	Hoàn thành 0,6Km/1,1Km
15	Hệ thống xử lý nước thải tại KCN Đông Hải (giai đoạn 1)	50,000	Công suất 2.000m3/ngđ	50,000	50,000		0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2016; - Hoàn thành: 2022	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
16	Hệ thống thoát nước trên tuyến đường Quốc lộ 48D (giai đoạn 1)	1,982	Chiều dài 200m và 03 cống thoát nước chiều dài 71,5m; tuyến ống thoát nước thải HDPE D200mm, chiều dài 350m	1,982		1,982	0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2019; - Hoàn thành: 2020	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
17	Đường N3 nối QL1A vào KCN Hoàng Mai I	166,495	Dài 987,48m; nền đường rộng 37m (trong đó: Mặt đường rộng 2x7,5m=15m; vỉa hè 2x5=10m; GPC rộng 12m)	113,592		113,592	52,903	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Khởi công: 2022; - Hoàn thành: 2025	Lũy kế giá trị xây lắp đã thực hiện khoảng đạt 82% khối lượng
I.2	Các dự án dự kiến đầu tư xây dựng mới:	18.340,784		0,000	0,000	0,000	18.340,784			
<i>Tại Khu vực I:</i>										
1	Cầu dẫn nối QL7C với cảng nước sâu Cửa Lò	1.789,000	- Tổng chiều dài khoảng: 3.270m. - Mặt cắt ngang rộng 11,0m đảm bảo 2 làn xe chạy	0,000		0,000	1.789,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Giai đoạn 2024-2025: Khoảng 100 tỷ đồng; - Giai đoạn 2026-2030: Khoảng 1689 tỷ đồng	Đang trình đề xuất chủ trương đầu tư (danh mục dự án trọng điểm giai đoạn 2026-2030)
2	Cầu vượt nối QL7C với đường N5 qua QL1 và đường sắt Bắc Nam	1.480,000	- Cầu chính vượt qua QL1 và đường sắt dài khoảng 1,5Km; các nhánh kết nối đồng bộ, liên thông với QL1. - Kênh (cầu hoặc cống) thoát nước qua QL1 và đường sắt Bắc Nam nối thông kênh dọc N5 phía Đông và phía Tây QL1 và đường sắt.	0,000	0,000		1.480,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	Đang trình đề xuất danh mục dự án trọng điểm đầu tư giai đoạn 2026-2030
3	Đường ngang N4 - KKT Đông Nam (giai đoạn 1)	998,000	Tổng chiều dài khoảng 4,2Km nối từ QL1 và TL536 đến hết phạm khu công nghiệp WHA giai đoạn 2; Nền đường rộng 45m; Cầu qua sông Cẩm đầu tư hoàn chỉnh, chiều dài khoảng 130m, Tổng mặt cắt ngang rộng 21x2+4=46m.	0,000	0,000		998,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	Đang đề xuất danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
4	Đường ngang N4 - KKT Đông Nam (giai đoạn 2)	640,000	- Xây dựng hoàn chỉnh dự án với quy mô theo quy hoạch được duyệt. - Nền đường rộng: 45m (hoàn thiện giai đoạn 1 theo quy hoạch và thi công giai đoạn 2)	0,000	0,000		640,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2031-2035	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Quy mô đầu tư	Lũy kế vốn đã được bố trí hàng năm đến hết tháng 30/9/2024			Nhu cầu vốn còn thiếu so với TMBT được duyệt	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					NSTW	NSDP				
5	Nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải KCN Nam Cẩm	140,000	Xây dựng mới nhà máy XLNT với công suất 4.500m ³ /ngđ (để bổ sung công suất cho nhà máy hiện có tại Khu B - KCN Nam Cẩm, 2.500m ³ /ngđ) và các hạng mục phụ trợ, hệ thống thu gom.	0,000	0,000		140,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	Đang đề xuất danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
6	Đường gom và kênh dọc QL1A qua Khu B - KCN Nam Cẩm	130,000	- Chiều dài khoảng: 2,2Km - Nền đường rộng: 15m	0,000		0,000	130,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	
7	Hệ thống điện chiếu sáng TL536 đoạn QL1A - N5	15,000	Chiều dài khoảng 6Km; công trình phụ trợ	0,000		0,000	15,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2024-2025	Đang thực hiện các thủ tục đầu tư
8	Đường ngang N1 - KKT Đông Nam	1.350,000	- Chiều dài khoảng: 7,5Km; nền đường rộng: 36m; - Cầu vượt đường sắt; - Cầu vượt cao tốc Bắc Nam	0,000	0,000		1.350,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2031-2035	
9	Tuyến kết nối đường bộ cao tốc Bắc Nam với các KCN, đô thị, du lịch nghỉ dưỡng phía Bắc Khu kinh tế Đông Nam	270,000	- Xây dựng 4 nhánh thuộc nút giao liên thông giữa đường bộ cao tốc Bắc Nam với đường N2 có tổng chiều dài tuyến khoảng 4km, mặt cắt nền đường rộng 8m. - Xây dựng cầu vượt qua đường sắt Bắc Nam tại đường N2 trong Khu kinh tế Đông Nam (giai đoạn 2) có chiều dài khoảng 250m, mặt cắt ngang 12,5m; đường 2 đầu cầu dài khoảng 550m, nền rộng 12,5m.	0,000	0,000		270,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	Đang đề xuất chủ trương đầu tư tại Văn bản số 41/TTr-KKT ngày 20/8/2024 của Ban Quản lý KKT Đông Nam Nghệ An
10	Kênh thoát nước dọc đường N5 (giai đoạn 2)	235,000	Tổng chiều dài khoảng 1,5Km dọc theo đường N5 đoạn từ giáp phía Đông đường sắt Bắc Nam đến cầu Đồng Vông; + Mặt cắt ngang đáy kênh khoảng 20m; đỉnh kênh khoảng 30m; mái kênh gia cố ổn định, kiên cố. + Các công trình phụ trợ trên tuyến được xây dựng đồng bộ, vĩnh cửu.	0,000	0,000		235,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	Đang đề xuất danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Quy mô đầu tư	Lũy kế vốn đã được bố trí hàng năm đến hết tháng 30/9/2024			Nhu cầu vốn còn thiếu so với TMDT được duyệt	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					NSTW	NSDP				
11	Kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp WHA-2 (giai đoạn 2)	500,000	- Đoạn 1: Nối từ đường bộ cao tốc Bắc Nam đến Kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp WHA-2 hiện trạng (tiếp giáp phía Bắc Quốc lộ 7C); Chiều dài khoảng 1,9Km; Cắt ngang rộng 20m; - Đoạn 2: Nối từ hạ lưu phía Nam đập Ô Ô đến Quốc lộ 7C (tiếp giáp phía Đông tuyến đường quy hoạch 30m nối Quốc lộ 7C đến đường N4); Chiều dài khoảng 1,0Km; Cắt ngang rộng 20m; - Đoạn 3: Nối từ tràn Khe Xiêm đến Kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp WHA-2 hiện trạng; Chiều dài khoảng 0,9Km; Cắt ngang rộng 30m; - Đoạn 4: Nối từ Đường bộ cao tốc Bắc Nam, qua đường vào phân khu CN30, đến đường quy hoạch 30m nối Quốc lộ 7C đến đường N4; Chiều dài khoảng 1,1Km; Cắt ngang rộng 15m; - Đoạn 5: Tiếp giáp phía Tây Khu D - KCN Nam Cẩm (song song phía Đông Đường bộ cao tốc Bắc Nam); Chiều dài khoảng 0,55Km; Cắt ngang rộng 6m; - Đoạn 6: Nối từ đường vào Trường THCS Hưng Đồng đến Sông Cẩm (tiếp giáp phía Nam đường N4); Chiều dài khoảng 2,2Km; Cắt ngang rộng 20m; - Công trình phụ trợ trên tuyến	0,000	0,000	0,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030		
12	Cầu sông Cẩm nối đường N5 với cảng nước sâu Cửa Lò	1.550,000	- Cầu: Dài khoảng 1,3Km; rộng 16m. - Đường đầu cầu: Dài khoảng 2,6Km; nền rộng 46m	0,000	0,000	1.550,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2031-2035		
13	Đường N3 nối QL1 vào Khu B - KCN Thọ Lộc:	770,000	- Tổng chiều dài tuyến khoảng 5,2Km. Mặt cắt ngang nền đường rộng 36m. - Kênh thoát nước dọc tuyến dài khoảng 1,7Km, mặt cắt ngang khoảng 30m, mái kênh gia cố ổn định kiên cố; xây dựng cầu qua kênh vào khu B - KCN Thọ Lộc.	0,000	0,000	770,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	Đang trình đề xuất danh mục dự án trong điểm đầu tư giai đoạn 2026-2030	
14	Tuyến số 3 - Khu A, KCN Nam Cẩm	250,000	- Chiều dài khoảng: 1,8Km - Nền đường rộng: 36m	0,000	0,000	250,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	Điểm đầu nối QL 1A trước VP2 BQL KKT Đông Nam; điểm cuối tiếp nối Tuyến số 2)	
15	Đường nối QL7C vào Khu du lịch Bãi Lữ	520,000	- Chiều dài khoảng: 6,5Km - Nền đường rộng: 24m	0,000	0,000	520,000	Ban QL KKT Đông Nam hoặc Sở Giao thông Vận tải	Giai đoạn 2026-2030	Trùng với hướng tuyến đường bộ ven biển trước điều chỉnh	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Quy mô đầu tư	Lũy kế vốn đã được bố trí hàng năm đến hết tháng 30/9/2024			Nhu cầu vốn còn thiếu so với TMBĐT được duyệt	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					NSTW	NSDP				
16	Đường nối QL7C vào Đường bộ ven biển	756,000	- Chiều dài khoảng: 4,0Km - Nền đường rộng: 43m - 01 cầu trên tuyến bắc qua Sông Cẩm; dài khoảng 132m; rộng 2x20,5 m	0,000	0,000		756,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2031-2035	
17	Đường kết nối QL7A - Khu B KCN Thọ Lộc với QL1A	2.745,000	- Chiều dài khoảng: 12,62Km - Nền đường rộng: 30m - Có 04 cầu trên tuyến, gồm: Cầu số 1, dài khoảng: 50m, rộng: 31m; Cầu số 2: dài khoảng: 56m, rộng: 31m; Cầu vượt Đường bộ cao tốc, dài khoảng 370m, rộng: 31m; Cầu vượt Đường sắt Bắc - Nam và Đường sắt tốc độ cao, dài khoảng 450m, rộng: 31m.	0,000	0,000		2.745,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2031-2035	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ QL1A - QL7A đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 16/6/2022
18	Đường nối QL1A - Đền Cuông - Đường bộ ven biển	247,000	- Chiều dài khoảng: 2,7Km - Nền đường rộng: 30m	0,000	0,000		247,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	
19	Đường vào Khu sân Golf, du lịch sinh thái Hồ Xuân Dương nối từ tuyến QL7A - Khu B KCN Thọ Lộc - QL1A	200,000	- Chiều dài khoảng: 1,65Km - Nền đường rộng: 36m	0,000	0,000		200,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	
20	Đường nối từ đường N1 đến Khu B - KCN Thọ Lộc	480,000	Dài khoảng: 3,5Km; Nền đường rộng 24m	0,000	0,000		480,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2031-2035	Thay cho DA đường D5 theo QH chung xây dựng KKT Đông Nam đã được phê duyệt năm 2008
21	TBA 110kV Nam Cẩm	90,000	2x40MVA				90,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
22	TBA 110kV KCN WHA	140,000	3x63MVA				140,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
23	TBA 110kV KCN WHA 2	140,000	3x63MVA				140,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
24	TBA 110kV KCN Nam Cẩm 2	90,000	2x63MVA				90,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
25	TBA 110kV KCN Thọ Lộc 1 (Khu B)	90,000	2x40MVA				90,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
26	TBA 110kV KCN Thọ Lộc 2 (Khu A)	90,000	2x63MVA				90,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
27	TBA 110kV KCN Thọ Lộc 3 (KCN, ĐT và DV Thọ Lộc)	90,000	2x63MVA				90,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
28	TBA 110kV KCN Yên Quang	45,000	1x40MVA				45,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
29	TBA 110kV Khu đô thị số 1 (KKT Đông Nam)	90,000	2x40MVA				90,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Quy mô đầu tư	Lũy kế vốn đã được bố trí hàng năm đến hết tháng 30/9/2024			Nhu cầu vốn còn thiếu so với TMĐT được duyệt	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó					
					NSTW	NSDP				
30	TBA 110kV Khu đô thị số 4 (KKT Đông Nam)	60,000	2x25MVA				60,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
31	TBA 220kV Nam Cẩm	319,892	2x250MVA				319,892	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
<i>Tại Khu vực II:</i>										
32	Hệ thống thoát nước quanh KCN Hoàng Mai II	326,000	Tổng chiều dài khoảng 9,7Km	0,000		0,000	326,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	- Giai đoạn 2024-2025: Khoảng 100 tỷ đồng; - Giai đoạn 2026-2030: Khoảng 226 tỷ đồng	UBND tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 21/10/2024
33	Đường cứu nạn và TĐC các khu dân cư ven biển Đông Hải (giai đoạn 2)	100,000	- Chiều dài khoảng: 1,5Km - Nền đường rộng: 20m	0,000	0,000		100,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	
34	Hệ thống xử lý nước thải tại KCN Đông Hải (giai đoạn 2)	70,000	- Công suất 2.000m3/ngày đêm; - Các hạng mục phụ trợ	0,000	0,000		70,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	
35	Đường vào Bến cảng xi măng Tân Thắng tại Cảng biển Đông Hải	120,000	- Chiều dài khoảng: 1,35Km - Nền đường rộng: 30m	0,000		0,000	120,000	Ban QL KKT Đông Nam Nghệ An	Giai đoạn 2026-2030	
36	Mở rộng tuyến đường giao thông nối từ Quốc lộ 48D vào Khu công nghiệp Hoàng Mai II	440,000	- Chiều dài khoảng: 5,8Km - Nền đường rộng 38m, mặt đường rộng 2x11m, hè đường rộng 2x5m, giải phân cách giữa rộng 6m	0,000		0,000	440,000	Sở Giao thông Vận tải	- Giai đoạn 2024-2025: Khoảng 200 tỷ đồng; - Giai đoạn 2026-2030: Khoảng 240 tỷ đồng	Sở Giao thông Vận tải đã có Tờ trình số 763/TTr-QLDA ngày 01/3/2024 gửi UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất chủ trương đầu tư dự án
37	TBA 220kV Hoàng Mai	319,892	2x250MVA				319,892	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
38	TBA 110kV Hoàng Mai I	140,000	3x63MVA				140,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
39	TBA 110kV Hoàng Mai 1A	140,000	3x63MVA				140,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2026-2030	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
40	TBA 110kV KCN Hoàng Mai 2	140,000	3x63MVA				140,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
41	TBA 110kV KCN Đông Hải	140,000	3x63MVA				140,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công
<i>Tại Khu vực III:</i>										
42	TBA 110kV VSIP 6	95,000	2x63MVA				95,000	Tổng C.ty ĐL Miền Bắc	Giai đoạn 2024-2025	Nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công

Ghi chú: Quy mô đầu tư xây dựng chính xác của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện

PHỤ LỤC 03

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN KHÁC NGOÀI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG PHỤC VỤ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT THIẾT YẾU TRONG KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2040

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~2981~~ /QĐ-UBND ngày 06/.../2024 của UBND tỉnh Nghệ An)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đã thực hiện	Nhu cầu nguồn vốn còn lại	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
I	Hạ tầng khu công nghiệp		25.794,789	2.518,940	23.275,849			
	Tại Khu vực I:							
1	Khu công nghiệp WHA 1 - Giai đoạn 1,2	498ha	2.057,000	1.118,940	938,060	Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An	2024-2025	Thuộc Khu A và Khu D - KCN Nam Cẩm
2	Khu công nghiệp WHA - 2	250ha	1.675,000	0,000	1.675,000	Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An	2026-2030	Thuộc Khu D - KCN Nam Cẩm
3	Khu công nghiệp WHA 1 - Giai đoạn 3	250ha	1.675,000	0,000	1.675,000	Công ty Cổ phần WHA Industrial Zone Nghệ An	2026-2030	Thuộc khu vực quy hoạch KCN, đô thị, dịch vụ Nam Cẩm
4	Khu A-KCN Nam Cẩm (Cũ)	60ha	569,240	0,000	569,240		2026-2030	
5	Khu E-KCN Nam Cẩm	100ha	873,710	0,000	873,710		2026-2030	
6	KCN Yên Quang	315ha	2.479,630	0,000	2.479,630		2026-2030	
7	KCN VSIP - Thọ Lộc	600ha	3.827,000	0,000	3.827,000	Công ty TNHH VSIP Nghệ An	2024-2025	Thuộc Khu A - KCN Thọ Lộc (Tinh cả phần mở rộng của dự án)
8	Khu B-KCN Thọ Lộc	180ha	1.572,677	0,000	1.572,677		2026-2030	Thuộc Khu B - KCN Thọ Lộc
9	KCN Thọ Lộc	250ha	2.195,250	0,000	2.195,250		2031-2035	Thuộc khu vực quy hoạch KCN, đô thị, dịch vụ Thọ Lộc
	Tại Khu vực II:							
1	KCN Hoàng Mai I	264,77ha	750,000	650,000	100,000	Công ty Cổ phần Hoàng Thịnh Đạt	2024-2025	
2	KCN Hoàng Mai II	335,23ha	1.900,000		1.900,000		2024-2025	
3	KCN Đông Hồi	600ha	4.799,283		4.799,283		2026-2030	
	Tại Khu vực III:							
1	KCN VSIP Nghệ An	367,6ha	1.421,000	750,000	671,000	Công ty TNHH VSIP Nghệ An	2024-2025	
II	Các khu du lịch, dịch vụ		9.780,609	0,000	9.780,609			

TT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đã thực hiện	Nhu cầu nguồn vốn còn lại	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
1	Khu đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao ven biển Nghi Lộc	353ha	2.450,918	0,000	2.450,918		2026-2030	
2	Khu đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao ven biển Diễn Châu	430ha	2.985,537	0,000	2.985,537		2026-2030	
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng - thể thao Hồ Xuân Dương	350ha	2.430,089	0,000	2.430,089		2026-2030	
4	Khu du lịch văn hóa lịch sử Đền Cuông	140ha	972,035	0,000	972,035		2026-2030	
5	Khu du lịch Đập Ó Ó	135ha	942,030	0,000	942,030		2031-2035	
III	Các khu đô thị mới		7.637,421	0,000	7.637,421			
1	Các khu đô thị mới	1100ha	7.637,421	0,000	7.637,421		2024-2040	Tại địa bàn các huyện Nghi Lộc và Diễn Châu
	- Giai đoạn 2024-2025	100ha	694,311	0,000	694,311		2024-2025	
	- Giai đoạn 2026-2030	400ha	2.777,244	0,000	2.777,244		2026-2030	
	- Giai đoạn 2031-2035	300ha	2.082,933	0,000	2.082,933		2031-2035	
	- Giai đoạn 2036-2040	300ha	2.082,933	0,000	2.082,933		2036-2040	
IV	Hạ tầng cảng biển		15.149,816	2.208,000	12.941,816			
1	Cảng biển Vissai		2.198,200	1.648,000	550,200	Công ty Cổ phần xi măng Sông Lam	2024-2025	
2	Bến số 5, 6 Cửa Lò		708,000	560,000	148,000	Công ty TNHH cảng Cửa Lò	2024-2025	
3	Bến số 7, 8 Cửa Lò		1.318,660	0,000	1.318,660		2026-2030	
4	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh Cảng nước sâu Cửa Lò, xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc		7.324,956	0,000	7.324,956	Công ty CP đầu tư phát triển vận tải quốc tế (ITID)	2024-2030	
	- Giai đoạn 2024-2025		1.000,000	0,000	1.000,000		2024-2025	
	- Giai đoạn 2026-2030		6.324,956	0,000	6.324,956		2026-2030	
5	Cảng Đông Hội (12 bến)		3.600,000	0,000	3.600,000		2026-2030	
V	Cấp nước sạch		502,249	0,000	502,249			
1	Nhà máy nước phía Bắc KKT Đông Nam	120.000m3/ngày đêm	480,974	0,000	480,974		2026-2030	Tại huyện Diễn Châu
2	Tuyến ống cấp nước nối từ đường N5 đến đường D4	DN400, dài khoảng 5,5km	21,274	0,000	21,274		2026-2030	Tại huyện Nghi Lộc
VI	Vệ sinh môi trường		5.686,000	0,000	5.686,000			
1	Dự án khu liên hợp xử lý và tái chế chất thải rắn ECOVI tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	- Xử lý rác thải: 1.500 tấn/ngày.đêm - Phát điện (công suất lắp đặt): 30 MW	3.100,000	0,000	3.100,000	Công ty CP Galax	2024-2030	Tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên

TT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đã thực hiện	Nhu cầu nguồn vốn còn lại	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
2	Nhà máy đốt rác công nghệ hiện đại	600 tấn/ngày.đêm	1.650,000	0,000	1.650,000		2036-2040	Tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên
3	Nhà máy đốt rác công nghệ hiện đại	300 tấn/ngày.đêm	750,000	0,000	750,000		2031-2035	Tại Khu vực Lèn Dơi, xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc
4	Nghĩa trang hóa táng Nghi Yên	53ha	186,000	0,000	186,000		2036-2040	tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc
VII	Nhà ở xã hội cho công nhân		17.855,977	22,000	17.833,977			
	<i>Tại Khu vực I:</i>							
1	Khu nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong các khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế Đông Nam tại vị trí số 01, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	539 căn hộ chung cư và 23 căn hộ liền kề thương mại	320,283	22,000	298,283	Công ty Cổ phần Địa ốc Kim Thi	Giai đoạn 2024 - 2025	
2	Nhà ở công nhân và các công trình phụ trợ trong KKT Đông Nam tại vị trí số 02 thuộc địa bàn xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	206 căn hộ chung cư và 22 căn hộ liền kề thương mại	172,651		172,651	Công ty Cổ phần Xi măng Sông Lam	Giai đoạn 2024-2030	
	- Giai đoạn 2024-2025		50,000	0,000	50,000		2024-2025	
	- Giai đoạn 2026-2030		122,651	0,000	122,651		2026-2030	
3	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Nam Cẩm tại vị trí số 03, xã Nghi Long và Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	3.420 căn hộ chung cư	3.495,159		3.495,159	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Miền Trung MK	Giai đoạn 2024-2030	
	- Giai đoạn 2024-2025		500,000	0,000	500,000		2024-2025	
	- Giai đoạn 2026-2030		2.995,159	0,000	2.995,159		2026-2030	
4	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Nam Cẩm tại vị trí số 04, xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc.	2.916 căn hộ chung cư và 121 căn hộ liền kề thương mại	3.385,384		3.385,384	Công ty Cổ phần Thương mại quốc tế BMC	Giai đoạn 2024-2030	
	- Giai đoạn 2024-2025		500,000	0,000	500,000		2024-2025	
	- Giai đoạn 2026-2030		2.885,384	0,000	2.885,384		2026-2030	
5	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Nam Cẩm tại vị trí số 05, xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc.	20ha	1.500,000		1.500,000		Giai đoạn 2026-2030	
6	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Nam Cẩm tại vị trí số 06, xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc.	10ha	1.000,000		1.000,000		Giai đoạn 2031-2035	
7	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Thọ Lộc tại vị trí số 01, xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu.	20ha	1.500,000		1.500,000		Giai đoạn 2026-2030	



TT	Danh mục dự án	Quy mô đầu tư	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đã thực hiện	Nhu cầu nguồn vốn còn lại	Chủ đầu tư	Dự kiến giai đoạn thực hiện	Ghi chú
8	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Thọ Lộc tại vị trí số 02, xã Diên Lộc, huyện Diên Châu	20ha	1.500,000		1.500,000		Giai đoạn 2031-2035	
Tại Khu vực II:								
1	Khu ký túc xá cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Hoàng Mai I.	5.000 căn ký túc xá	1.482,500		1.482,500	Công ty TNHH khoa học công nghệ Ju Teng (Việt Nam)	Giai đoạn 2024-2025	
2	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Hoàng Mai II.	20ha	1.500,000		1.500,000		Giai đoạn 2026-2030	
3	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN Đông Hải.	5ha	500,000		500,000		Giai đoạn 2026-2030	
Tại Khu vực III:								
1	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động làm việc trong KCN VSIP Nghệ An.	20ha	1.500,000		1.500,000		Giai đoạn 2026-2030	
TỔNG CỘNG			82.406,860	4.748,940	77.657,920			

Ghi chú: Quy mô đầu tư xây dựng chính xác của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện

